

costume (n)

/'kɒstju:m/

trang phục, trang phục biểu diễn



cottage (n)

/'kɒtɪdʒ/

nhà nhỏ ở nông thôn



culture (n)

/'kʌltʃə(r)/

văn hóa



champagne (n)

/ʃæm'peɪn/

rượu sâm panh



character (n)

/'kærəktə(r)/

nhân vật; tính cách



chemistry (n)

/'kemɪstri/

hóa học